

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2018/KDTM-PT**

Ngày: 09-3-2018

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Đào.

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Bà Phan Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Vũ - Cán bộ TAND tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Ông Mai Văn Sinh- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2017/TLPT-KDTM ngày 20 tháng 11 năm 2017 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2018/QĐPT-KDTM ngày 22 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH W.

Địa chỉ: Đường S, khu công nghiệp N, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông P Ji Woon - chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Song H, sinh năm: 1991 (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/4/2017).

- Bị đơn: Công ty TNHH H.

Địa chỉ: Khu M, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lâm Tuyết V , sinh năm 1970– chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định

Địa chỉ liên lạc: Khu M, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/6/2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Song H trình bày:

Ngày 28/12/2016 Công ty TNHH W và Công ty TNHH H ký hợp đồng mua bán bông chảy kỹ số 03/HDMB:NT. Hai bên thỏa thuận mua bán khối lượng hàng 250.000 kg, giá 26.000 đồng/kg chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), nếu tính thuế VAT là 28.600 đồng/kg. Địa điểm và phương thức giao hàng tại kho của Công ty TNHH W ở Nhơn Trạch còn Công ty TNHH H có trách nhiệm vận chuyển, thời gian bắt đầu giao hàng từ sau khi ký hợp đồng đến hết ngày 25/02/2017. Phương thức thanh toán được quy định tại Điều 3 của hợp đồng. Khi Công ty TNHH H đến giao hàng Công ty TNHH W, Công ty TNHH H phải làm thủ tục đăng ký với bảo vệ của Công ty TNHH W, rồi vào cân xe. Khi cân xong, xe mới chạy vào kho để giao hàng thì sẽ có nhân viên bộ phận kho kiểm tra hàng hóa và ký tên vào phiếu xuất kho của Công ty TNHH H hoặc bộ phận nhân viên văn phòng ký nhận.

Công ty TNHH H bắt đầu giao hàng cho Công ty TNHH W từ ngày 03/01/2017 cụ thể như sau:

+ Ngày 03/01/2017, Công ty TNHH H có giao cho Công ty TNHH W 02 chuyến hàng với khối lượng là 9.470 kg và 9.310 kg.

+ Ngày 04/01/2017 Công ty TNHH H giao hàng cho Công ty TNHH W có 01 chuyến với khối lượng là 9.250 kg

+ Ngày 05/01/2017 Công ty TNHH H có giao hàng cho Công ty TNHH W 01 chuyến với khối lượng là 9.130 kg.

+ Ngày 21/01/2017 Công ty TNHH H có giao hàng cho Công ty TNHH W

01 chuyến với khối lượng là 9.410 kg.

Theo Công ty H trình bày ngày 21/01/2017 có giao thêm cho Công ty W 01 chuyến hàng với khối lượng là 9.420 kg bông chấy kỹ, tài xế là anh Quảng Văn Đ điều khiển xe, biển số 60C – 31360 và người đi cùng anh Đ là anh Đào Trọng H. Chuyến hàng này đến Công ty W giao vào lúc 10 giờ 50 phút, ra vào lúc 11 giờ 20 phút, do giao vào buổi trưa nên không có người ký nhận, tài xế Đ cầm phiếu cân về. Tại sổ theo dõi của bảo vệ Công ty W không ghi Công ty H vào sổ nhưng lại ghi tên là “Công ty L” và tên người đăng ký là “Đào Trọng H” lại ghi là “Lý Hoàng H”, số lượng hàng và mặt hàng cũng ghi không đúng. Ngoài ra, Công ty H cho rằng tại bảng kê khai nhập kho không thể hiện Công ty H mà lại thể hiện là Công ty P. Các lời khai của đại diện Công ty H là không đúng vì khi Công ty H giao hàng thì Công ty W đều cử người kiểm tra và ký nhận hàng. Nhân viên bảo vệ chỉ ghi vào sổ theo dõi thời gian xe ra vào Công ty. Công ty W cũng không căn cứ vào sổ theo dõi bảo vệ để thanh toán tiền hàng cho đối tác. Đối với chuyến hàng trên của Công ty H, Công ty W không có nhận.

Theo Công ty H trình bày ngày 23/01/2017, có giao cho Công ty W 01 chuyến hàng bông chấy kỹ với khối lượng 8.980 kg, do tài xế là anh Quảng Văn Đ đi giao và người đi cùng với anh Đ là anh Đào Trọng H. Khi đến Công ty W có đăng ký tại sổ theo dõi nhật ký xuất nhập Container của Công ty W là không đúng vì ngày 23/01/2017, Công ty W có nhận 880 kg hàng mẫu bông Coton của Công ty H giao theo hợp đồng ký kết ngày 20/01/2017 giữa hai Công ty.

+ Ngày 25/01/2017 Công ty H có giao cho Công ty W 02 chuyến hàng, chuyến thứ nhất khối lượng là 8.980 kg, chuyến thứ hai khối lượng 7.090 kg, hai chuyến hàng trên anh Nguyễn Văn P ký nhận.

Theo Công ty H trình bày là ngày 25/01/2017 có giao thêm cho Công ty W 03 chuyến hàng với khối lượng là 8.360 kg, 8.980 kg và 8.090 kg là không đúng. Đối với chuyến hàng có khối lượng là 8.360 kg lý do có phiếu ký nhận là do anh Nguyễn Văn P ký nhầm phiếu xuất kho bông “B2” của Công ty H, mặt hàng này không phải mặt hàng của Công ty H giao cho Công ty W, mặt hàng đúng là mặt hàng bông “B1” nên tài xế (không biết tên tài xế xe) mới yêu cầu anh Nguyễn Văn P ký giữ lại phiếu của chuyến hàng khối lượng 8.980 kg nhưng Công ty H không xé bỏ phiếu mà tính là có giao chuyến hàng với khối lượng 8.360 kg cho Công ty W. Chuyến hàng có khối lượng 8.090 kg do chị Trần Song H ký nhận cho Công ty

H là đúng nhưng Công ty W nhận chuyển hàng này vào ngày 26/01/2017 chứ không phải là ngày 25/01/2017 như Công ty H trình bày. Nguyên nhân phiếu xuất kho ghi ngày 25/01/2017 là do Công ty H làm phiếu xuất kho ngày 25/01/2017 đến ngày 26/01/2017 mới đi giao cho Công ty W nên phiếu thể hiện là ngày 25/01/2017. Đối với chuyển hàng khối lượng 8.980 kg có bảo vệ Nguyễn Hữu D ký nhận là không đúng vì bảo vệ của Công ty W không có chức năng ký nhận hàng cũng không có chức năng ký xác nhận là khách hàng có giao hàng cho Công ty W. Những người có chức năng ký nhận hàng là nhân viên văn phòng và nhân viên quản lý kho.

Đối với mặt hàng bông chảy kỹ có ký hiệu “B1”, không phải ký hiệu “B2”, Công ty H cho rằng bông chảy kỹ có ký hiệu “B1” hoặc “B2” là không đúng.

+ Ngày 26/01/2017, Công ty H có giao cho Công ty W 01 chuyển hàng khối lượng là 8.090 kg, chị là người ký nhận chuyển hàng này.

Theo Công ty H trình bày là ngày 26/01/2017 có giao cho Công ty W khối lượng 9.740 kg và tại sổ bảo vệ của Công ty W ghi ngày 26/01/2017 Công ty H có giao chuyển hàng số lượng 9.740 kg là không đúng vì đó là chuyển hàng số lượng 8.090 kg, chị là người ký nhận, ngoài ra không có chuyển hàng nào có khối lượng 9.740 kg như Công ty H trình bày.

+ Ngày 11/02/2017, Công ty H có giao cho Công ty W 01 chuyển hàng với khối lượng là 7.650 kg.

Tổng số tiền Công ty W đã chuyển cho Công ty H là 2.438.498.400 đồng theo hợp đồng số 03/HDMB:NT ngày 28/12/2016. Thực tế, Công ty H giao hàng khối lượng là 78.380 kg x 28.600 đồng = 2.241.668.000 đồng. Như vậy, Công ty H phải trả lại Công ty W 196.830.400 đồng tiền chuyển dư.

Công ty H cho rằng Công ty W chuyển số tiền 3.495.998.400 đồng theo hợp đồng số 03/HDMB:NT ngày 28/12/2016 là không đúng vì số tiền 1.057.500.000 đồng là tiền hàng của hợp đồng số 03/HDMB – NT ngày 20/01/2016 với mặt hàng là bông Cotton.

Nay Công ty W yêu cầu Công ty H phải trả lại số tiền là 196.830.400 đồng chuyển dư.

Trước đây Công ty H có làm đơn phản tố yêu cầu Công ty W phải thanh toán tiếp cho Công ty H số tiền là 1.103.897.600 đồng nhưng nay Công ty H chỉ yêu cầu Công ty W thanh toán tiếp số tiền là 46.397.600 đồng, Công ty W không

đồng ý.

Theo đơn phản tố ngày 02/6/2017, đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu phản tố ngày 24/7/2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Vũ Trọng Kvà chị Nguyễn Thị C trình bày:

Ngày 28/12/2016, Công ty TNHH H có ký hợp đồng số 03/HDMB: NT với Công ty TNHH W về việc mua bán bông chảy kỹ, số lượng là 250.000 kg, thỏa thuận giá là 26.000 đồng/kg, chưa tính thuế giá trị gia tăng (VAT), nếu tính thuế VAT thì 28.600 đồng/kg, thỏa thuận địa điểm giao hàng tại kho bãi chỉ định của Công ty W trong khu vực Nhơn Trạch, phương thức vận chuyển là do Công ty H chịu trách nhiệm vận chuyển. Thời hạn giao hàng tính từ sau khi ký hợp đồng đến hết ngày 25/02/2017. Công ty H và Công ty W thỏa thuận phương thức thanh toán được quy định tại Điều 3 của hợp đồng số 03/HDMB: NT ngày 28/12/2016. Trước khi Công ty H đi giao hàng thì phải lên hàng trên xe và lập phiếu xuất kho, sau đó đi đến trạm cân để cân xe, xe vận chuyển hàng hóa chở bông chảy kỹ giao cho Công ty W có chuyển thì sử dụng xe của Công ty H, có chuyển thì Công ty H thuê xe ở ngoài để vận chuyển hàng hóa. Công ty H cân xe tại những địa chỉ: Công ty cổ phần V, địa chỉ: Xã A, huyện L; Trạm cân T, địa chỉ: Đường Xã O, huyện L; Trạm cân H, địa chỉ: Xã O, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Khi đến Công ty W giao hàng thì tài xế phải đăng ký với bảo vệ của Công ty W, sau đó bảo vệ báo với nhân viên nhận hàng mới mở cửa cho xe của Công ty H vào giao hàng. Công ty H bắt đầu giao hàng cho Công ty W từ ngày 03/01/2017, cụ thể như sau:

+ Ngày 03/01/2017, Công ty H giao 02 chuyến hàng cho Công ty W với khối lượng 9.470 kg và 9.310 kg

+ Ngày 04/01/2017, Công ty H giao 01 chuyến hàng cho Công ty W, với khối lượng 9.250 kg.

+ Ngày 05/01/2017, Công ty H có giao cho Công ty W 01 chuyến với khối lượng là 9.130 kg.

+ Ngày 21/01/2017, Công ty H có giao 02 chuyến cho Công ty W. Chuyến thứ nhất khối lượng 9.420 kg và chuyến thứ hai khối lượng 9.410 kg.

Đại diện Công ty W cho rằng Công ty H không có giao chuyển hàng 9.420 kg là không đúng vì chuyển hàng có khối lượng 9.420 kg do tài xế anh Quảng Văn

Đ điều khiển, xe có biển số 60C – 313.60 và người đi cùng anh Đ là anh Đào Trọng H. Chuyển hàng này đến Công ty W giao vào lúc 10 giờ 50 phút, ra lúc 11 giờ 20 phút, do giao vào buổi trưa, không có người ký nhận nên tài xế Đ sau khi giao hàng xong thì cầm phiếu cân về cho Công ty H. Nhưng tại sổ theo dõi của bảo vệ Công ty W không ghi Công ty H vào giao hàng mà lại ghi tên là “Công ty L” và tên người đăng ký của Công ty H là “Đào Trọng H” lại ghi là “Lý Hoàng H”, số lượng hàng và mặt hàng cũng ghi không đúng. Ngoài ra, tại bảng kê khai nhập kho lại không ghi Công ty H mà lại ghi Công ty P. Sổ theo dõi bảo vệ không có ghi xe biển số XX – XXX.XX vào Công ty W để giao hàng nhưng tại báo cáo theo ngày nhập hàng của Công ty W thể hiện là biển số xe trên, Công ty nhập hàng là P là không đúng.

+ Ngày 23/01/2017, Công ty H có giao 01 chuyển hàng cho Công ty W với số lượng là 8.980 kg, lý do phiếu cân ghi ngày 22/01/2017 vì Công ty H lên hàng ngày 22/01/2017 và đi cân xe tại Công ty cổ phần V nhưng do ngày 22/01/2017 là ngày chủ nhật nên Công ty H đã báo cho chị H là không giao hàng được, đến ngày 23/01/2017 mới giao hàng. Người đi giao hàng là tài xế Quảng Văn Đ điều khiển, xe có biển số YY – YYY.YY và người đi cùng là anh Đào Trọng H, chuyển xe này giao vào buổi sáng.

Đại diện Công ty W trình bày không đúng: Số lượng hàng chạy thử có tính tiền là 880 kg của hợp đồng ngày 20/01/2017 Công ty H giao ngày 21/01/2017, có phiếu cân xe, có người nhận hàng không ký nhận. Tại phiếu cân xe ngày 22/01/2017 nhưng ngày 22/01/2017 là ngày chủ nhật nên ngày 23/01/2017 Công ty H mới đi giao cho Công ty W. Khi giao chuyển hàng 8.980 kg nhân viên Công ty W không chịu ký nhận nên tài xế Đ giao hàng xong cầm phiếu về cho Công ty H. Đối với chuyển hàng 8.980 kg này bảo vệ Công ty W có vào sổ nhưng ghi sai biển số xe vào giao hàng, biển số xe vào giao hàng là XY – XYX.XY nhưng bảo vệ lại ghi biển số QW – QWQ.QW.

+ Ngày 25/01/2017, Công ty H có giao cho Công ty W 05 chuyển hàng bông chấy kỹ: Chuyển thứ nhất số lượng 8.360 kg, tài xế là Đào Trọng H, điều khiển xe biển số XY – XYX.XY, giao hàng buổi sáng. Chuyển thứ hai số lượng 8.980 kg, tài xế là Quảng Văn Đ, điều khiển biển số XY – XYX.XY, giao hàng buổi trưa. Chuyển thứ ba số lượng là 8.980 kg, tài xế Phan Thanh C, điều khiển xe biển số WW – WWW.WW, giao vào buổi sáng, chuyển thứ tư số lượng là 7.090

kg, tài xế Phan Thanh C, giao buổi chiều. Chuyển thứ năm số lượng 8.090 kg, tài xế Quảng Văn Đ, điều khiển xe biển số XY – XYX.XY giao vào buổi chiều.

Đại diện của Công ty W trình bày không đúng. Chuyển hàng có số lượng 8.360 kg có anh Nguyễn Văn P là người ký nhận, chuyển hàng số lượng 8.090kg người ký nhận là chị Trần Song H và chuyển hàng số lượng 8.980kg do bảo vệ Công ty W là anh Nguyễn Hữu D ký xác nhận ngày đó Công ty H có giao chuyển hàng này. Công ty H không đồng ý với ý kiến đại diện Công ty W thứ nhất: Ký hiệu “B1” và “B2” đều là ký hiệu bông chấy kỹ nên không có sự ký nhầm, thứ hai: Phiếu chị Hạ ký thể hiện là ngày 25/01/2017 không thể ghi ngày 26/01/2017, thứ ba: Bảo vệ Công ty W có xác nhận cho Công ty H là ngày đó có giao hàng cho Công ty W.

+ Ngày 26/01/2017, Công ty H có giao cho Công ty W một chuyển hàng số lượng 9.740 kg, tài xế là ông Tiêu Dương K, điều khiển xe biển số QE – QEQ.QE, giao hàng vào buổi sáng. Tài xế đề nghị nhân viên Công ty W ký nhận hàng nhưng họ không chịu ký nhận nhưng tại sổ bảo vệ có ghi là Công ty H có giao số lượng hàng 18.240 kg khớp với phiếu cân của Công ty H nhưng lại ghi biển số xe là QE – QQQ.QQ sai với biển số xe giao hàng.

+ Ngày 11/02/2017 Công ty H có giao một chuyển hàng khối lượng 7.650 kg cho Công ty W.

Tổng cộng Công ty H giao 14 chuyển hàng cho Công ty W với khối lượng là 123.860 kg bông chấy kỹ. Tổng số tiền Công ty W chuyển cho Công ty H là 3.495.998.400 đồng của hợp đồng số 03/HDMB:NT ngày 28/12/2016. Thực tế Công ty H giao hàng cho Công ty W là 123.860 kg x 28.600 đồng = 3.542.396.000 đồng. Như vậy, Công ty W phải trả tiếp cho Công ty H là 46.397.600 đồng.

Đại diện Công ty W cho rằng số tiền 1.057.500.000 đồng là chuyển thanh toán cho hợp đồng số 03/HDMB – NT ngày 20/01/2017 với mặt hàng bông Cotton là không đúng.

Tại bản án sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 24, 306, 319 Luật Thương mại, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH W đối với bị đơn Công ty TNHH H về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Buộc Công ty TNHH H phải có trách nhiệm thanh toán lại cho Công ty TNHH W số tiền 196.830.400đ.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH H đối với bị đơn Công ty TNHH W.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/9/2017, bị đơn Công ty TNHH H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thu thập chứng cứ đầy đủ khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ luật tố tụng quy định.

Về nội dung vụ án: Tài liệu chứng cứ thể hiện giữa hai bên ký kết hợp đồng số 03/HDMB:NT ngày 28/12/2016 khối lượng hàng hóa 25.000 kg, đơn giá 26.000đ/kg chưa bao gồm thuế VAT; Thời điểm và phương thức giao hàng tại khi của Công ty TNHH W ở Nhơn Trạch, thời gian bắt đầu giao hàng từ sau khi ký kết hợp đồng đến hết ngày 25/02/2017 là có căn cứ. Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn chỉ thừa nhận đã nhận 09 chuyến hàng tổng giá trị là 2.241.688.000đ, nguyên đơn đã tạm ứng cho bị đơn số tiền 2.438.498.400đ. Bị đơn cho rằng đã chuyển 14 chuyến hàng nhưng không chứng minh được yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị bác kháng cáo của bị đơn giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH H trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Ngày 28/12/2016 Công ty TNHH W có ký với Công ty TNHH H hợp đồng mua bán hàng hóa số 03/HDMB:NT, nội dung Công ty TNHH W có đặt mua của Công ty TNHH H bông chầy kỹ với khối lượng là 250.000 kg với giá tiền 26.000đ/kg chưa có thuế VAT, có thuế VAT là 28.600đ/kg, thời hạn thực hiện hợp đồng từ khi ký kết đến hết ngày 25/02/2017, phía Công ty TNHH W phải đặt cọc trước 10% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền 650.000.000 đồng. Đồng thời, Công ty TNHH W đã chuyển khoản cho Công ty TNHH H số tiền 2.438.498.400đ. Thực tế, Công ty TNHH H giao hàng khối lượng là 78.380 kg x 28.600đ = 2.241.668.000đ dư 196.830.400đ nên Công ty TNHH W khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH H phải trả lại. Còn phía Công ty TNHH H thì cho rằng đã chuyển tổng lượng hàng là 123.860 kg x 28.600đ = 3.542.396.000đ và Công ty TNHH W chuyển số tiền 3.495.998.400đ, nên còn thiếu số tiền là 46.397.600đ và yêu cầu Công ty TNHH W thanh toán tiếp số nợ này. Còn Công ty TNHH W cho rằng thực chất số tiền 3.542.396.000đ mà Công ty TNHH W đã chuyển cho Công ty TNHH H bao gồm số tiền 1.057.500.000đ là tiền hàng của hợp đồng khác đã có tranh chấp và đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực.

Đối với số tiền mà Công ty TNHH H cho rằng đối với hợp đồng số 03/HDMB;NT ngày 28/12/2016 mà Công ty TNHH W đã chuyển 3.495.998.400đ. Nhưng Công ty TNHH W cho rằng hợp đồng số 03/HDMB;NT ngày 28/12/2016 Công ty TNHH W đã chuyển 2.438.498.400đ được thể hiện tại các phiếu hạch toán tại các ngày 03/01/2017, 19/01/2017, 16/02/2017, 17/02/2017, còn đối với số tiền 1.057.500.000đ là số tiền của Hợp đồng số 03 ngày 20/01/2017 tại phiếu hạch toán ngày 20/01/2017.

Tuy nhiên, số tiền 1.057.500.000 đồng Công ty TNHH W chuyển khoản cho Công ty TNHH H vào ngày 20/01/2017 phù hợp với số tiền đặt cọc 30% hai bên thỏa thuận trong hợp đồng số 03/HDMB:NT ngày 20/01/2017, phù hợp với phiếu hạch toán mà Công ty TNHH W cung cấp và bản tự khai ngày 18/4/2017, 10/6/2017 của đại diện Công ty TNHH H và tại bút lục số 95 chị Lâm Tuyết V đã xác định đây là tiền cọc cho hợp đồng bông rơi cotton.

Có đủ cơ sở xác định số tiền 1.057.500.000đ Công ty TNHH W chuyển khoản cho Công ty TNHH H vào ngày 20/01/2017 là khoản tiền đặt cọc của hợp đồng số 03/HDMB:NT ngày 20/01/2017 đã được giải quyết bằng bản án số 30/2017/KDTM-PT ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có hiệu lực pháp luật.

Hồ sơ thể hiện các bên chuyển hàng có chênh lệch 06 chuyển hàng của các ngày 21/01/2017 khối lượng 9.420 kg, ngày 23/01/2017 khối lượng 8.980 kg, ngày 25/01/2017 khối lượng 8.360 kg, 8.090 kg, và 8.980 kg và ngày 26/01/2017 khối lượng 9.740 kg.

Qua chứng cứ, tài liệu và lời khai của các tài xế, khi giao hàng cho Công ty TNHH W nhưng không có người ký nhận. Còn Công ty TNHH W cho rằng việc giao hàng hoàn thành khi hàng được giao tại kho của Công ty TNHH W. Căn cứ tại

Điều 4 của Hợp đồng thì việc giao hàng thành công khi hàng được giao tại kho của Công ty TNHH W và phải có người ký nhận. Các chứng cứ liên quan đến 06 chuyến hàng các bên tranh chấp thể hiện do Công ty TNHH H cung cấp không phù hợp với sổ theo dõi lượng xe giao hàng ra vào cổng của Công ty TNHH W, việc giao nhận hàng không có nhân viên Công ty TNHH W ký xác nhận vào phiếu xuất kho, sổ theo dõi tại cổng bảo vệ Công ty TNHH W không thể hiện đầy đủ việc giao nhận hàng giữa hai bên, lời khai các nhân chứng là tài xế của Công ty TNHH H cũng có sự mâu thuẫn, không thống nhất về số lượng và số lần giao nhận hàng tại Công ty TNHH W. Công ty TNHH W không thừa nhận số lượng đã nhận theo yêu cầu phản tố của Công ty TNHH H và Công ty TNHH H không cung cấp chứng cứ để chứng minh.

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH W, buộc Công ty TNHH H phải trả số tiền 196.830.400 đồng cho Công ty TNHH W là có căn cứ. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Công ty TNHH H phải chịu 2.000.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 24, Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH W.

Buộc Công ty TNHH H phải trả cho Công ty TNHH W số tiền 196.830.400đ.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH H.

2. Về án phí:

Công ty TNHH H phải chịu 12.161.400đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm mà Công ty TNHH H đã nộp 22.558.000đ và 2.000.000đ tại biên lai thu số 006498 ngày 12/6/2017 và số 006771 ngày 25/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành được tính trừ án phí Công ty TNHH H phải chịu. Số dư hoàn trả cho Công ty TNHH H số tiền 10.396.600đ.

Hoàn trả cho Công ty TNHH W số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.350.000đ tại biên lai thu số 006204 ngày 04/4/2017 và số 006546 ngày 23/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Kể từ ngày Công ty TNHH W có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH H chậm thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOA PHIÊN TÒA**

Phạm Thi Xuân Đào

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thu – Phan Thị Thu Hương

Phạm Thị Xuân Đào